

SỞ Y TẾ KIÊN GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ TP. HÀ TIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 06/YCBG-TTYT

Hà Tiên, ngày 21 tháng 03 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ luật đấu thầu số 22/2023/QH15, ngày 23/6/2023 của Quốc hội quy định trình tự, thủ tục xây dựng gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập; nghị định 24/2024/NĐ-CP, ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; luật 57/2024/QH15 ngày 15/01/2025 về sửa đổi bổ sung một số điều của luật quy hoạch, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu;

Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu hóa chất xét nghiệm dùng trong khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế Hà Tiên năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Số 65, Cách Mạng Tháng Tám, khu phố III, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ông Bùi Thanh Hiệp, trưởng khoa Dược - trang thiết bị - vật tư y tế. Điện thoại: 02973.966.122. Email: buihanhhiiepbvhtkg@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

01 Bản cứng có ký tên và đóng dấu gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên, địa chỉ: Số 65, Cách Mạng Tháng Tám, khu phố III, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

01 bản file Excel gửi qua email: buihanhhiiepbvhtkg@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8 giờ 00 ngày 24 tháng 03 năm 2025 đến trước 17 giờ 00 ngày 04 tháng 04 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 04 tháng 04 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hóa chất xét nghiệm dùng trong khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế

Hà Tiên năm 2025.

STT	Tên hóa chất	Thành phần, tiêu chí, thông số kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói tham khảo	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn Vị Tính	Số lượng
I. Hóa chất xét nghiệm sử dụng đồng bộ cho máy huyết học 27 thông số						
1	Dung dịch ly giải hồng cầu	dung dịch ly giải để sử dụng trong chẩn đoán in vitro và được thiết kế để ly giải hồng cầu (RBC) cho việc đếm bạch cầu (WBC) và phân loại bạch cầu và để xác định hemoglobin trên các máy đếm tế bào máu của HORIBA Medical. - Dung dịch nước trong suốt và màu vàng nhạt - Thành phần: + Chất ly giải (Lysing agent) < 5% + Chất diện hoạt (Surfactant) < 5% + Chất bảo quản (Preservative) < 1% + Dung dịch đệm (Buffer) + Chất pha loãng (Diluent) vừa đủ 100%	Bình 5 lít	ISO,CE	Bình	4
2	Dung dịch pha loãng	Dung dịch đệm đẳng trương để sử dụng trong chẩn đoán in vitro và được thiết kế để bao phủ và pha loãng bạch cầu (WBC), để xác định và phân biệt các tế bào máu và đo hematocrit trên các máy đếm tế bào máu của HORIBA Medical - Thành phần: + Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5%	20L/thùng	ISO,CE	Lít	80
3	Nội kiểm 3 mức (thấp-trung bình-cao)	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng huyết học mức thấp. Thuốc thử này được phân loại là không nguy hại theo đúng quy định (EC - Cộng đồng châu Âu) Số 1272/2008. - Thành phần: chứa bạch cầu (WBC), hồng cầu (RBC) và tiểu cầu (PLT) của động vật có vú được làm thành hỗn dịch ở dạng dịch giống như huyết tương.	bộ/9ml	ISO,CE	ML	9
II- Hóa chất xét nghiệm, phụ kiện tương thích với máy sinh hoá tự động CA-800 Furuno						
4	control chung mức bệnh lý (QC 3)	Dùng để kiểm tra giá trị bệnh lý các thông số xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: Điều chế từ huyết thanh người với các chất phụ gia hóa học và chiết xuất mô từ người và động vật, được thêm vào một số loại vi khuẩn, dạng đông khô.	R1: 4x5ml	ISO,CE	ML	10

5	Hoá chất xét nghiệm HbA1c	<p>Định nồng độ HbA1c trong huyết thanh, huyết tương.</p> <p>Thành phần:</p> <p>R1: Buffer: =< 20 mmol/l</p> <p>Latex: =< 1.5 %</p> <p>R2a: Buffer: =< 10 mmol/l</p> <p>Kháng thể HbA1c đơn dòng của chuột: =< 5.5 mg/ dl</p> <p>R2b: Buffer 1: =< mmol/l</p> <p>Kháng thể IgG dê đa kháng kháng chuột: =< 67 mg/ dl</p> <p>Chất ổn định</p> <p>R3: Dung dịch tan huyết.</p> <p>Xác định nồng độ HbA1c trong phạm vi đo: =< 3.98-15.42% DCCT / NGSP; 2-14.5% IFCC; 20 -145 mmol / mol.</p> <p>'- Wavelength (bước sóng): =< 660nm</p> <p>'- Độ nhạy: : =< 6.6mmol / mol HbA1c</p> <p>'- Đường dẫn quang (Optical path):=<1 cm.</p>	R1: 1x30ml + R2: 1x10ml, +R3: 125ml	ISO,CE	ML	83
6	Glucose	<p>Xét nghiệm sinh hóa định lượng nồng độ GLUCOSE trong huyết thanh</p> <p>Phosphate buffer 250 mmol/l</p> <p>Glucose oxidase > 25 U/ml</p> <p>Peroxidase > 2 U/ml</p> <p>Phenol 5 mmol/l</p> <p>4-aminoantipyrine 0.5 mmol/l</p> <p>Measuring range (phạm vi đo): 2.34-450 mg/dl</p>	R1: 6x60ml	ISO,CE	ML	720
7	Urea	<p>Định lượng nồng độ UREA trong huyết thanh huyết tương giúp cho quá trình chẩn đoán và điều trị bệnh về thận, tắc nghẽn ống nước tiểu, hư thận cấp tính và mãn tính</p> <p>R1:Tris Buffer: =<100 mmol/l</p> <p>α-Ketoglutarate: = < 5.49 mmol/l</p> <p>Urease (Jack Bean): \geq 10 KU/l</p> <p>GLDH (Microorganism): \geq 3.8 KU/l</p> <p>R2:NADH: = < 1.66 mmol/l.</p> <p>'- Measuring range (phạm vi đo): =< 11.5- > = 300 mg/dl.</p>	R1: 4x40ml , R2: 2x20ml	ISO,CE	ML	200

8	HDL - Cholesterol Direct	<p>Là hóa chất sinh hóa chạy trên máy phân tích sinh hóa để định lượng nồng độ HDL DIRECT trong huyết thanh.</p> <p>R1: MES buffer (pH 6.5): =< 6.5 mmol/l TODB N, N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methylaniline: =<3 mmol/l Polyvinyl sulfonic acid: =< 50 mg/l Polyethylene-glycol-methyl ester: =< 30 ml/l MgCl₂: =< 2 mmol/l R2: MES buffer (pH 6.5) : =< 50 mmol/l Cholesterol esterase: =< 5 kU/l Cholesterol oxidase: =< 20 kU/l Peroxidase: =< 5 kU/l 4-aminoantipyrine: =< 0.9 g/l Detergent: =< 0.5 % Measuring range (phạm vi đo): =< 1.90 - > = 193 mg/dl</p>	R1: 4x30ml , R2: 4x10ml	ISO,CE	ML	160
9	Alcool	<p>Quy cách: 10x10m/1x5ml</p> <p>- Đo nồng độ cồn trong huyết tương, huyết thanh, máu toàn phần hoặc nước tiểu người.</p> <p>- Thành phần: R1- Enzyme coenzyme (NAD⁺, ADH, TRIS Buffer, Stabiliser, Preservatives); R2 - Standard.</p>	R1: 10x10x0.5 ml	ISO,CE	ML	100
10	Amylase	<p>"Định lượng nồng độ ALPHA AMYLASE trong huyết thanh, huyết tương để chẩn đoán bệnh viêm tụy cấp trong cận lâm sàng</p> <p>Thành phần: MES buffer : =< 50 mmol/l, Calcium Chloride = < 3.81 mmol/l, Sodium Chloride: = < 300 mmol/l, Potassium Thiocyanate: = < 450 mmol/l, Sodium Azide: = < 13.85 mmol/l, CNPG: =< 0.91 mmol/l.</p> <p>Measuring range (phạm vi đo): từ =< 10.8 đến > = 1500 U/l"</p>	R1: 6 x 30 ml	ISO,CE	ML	240

11	CK-MB	<p>Chạy trên máy xét nghiệm sinh hóa, định lượng nồng độ CREATINE KINASE MB trong huyết thanh, huyết tương để chẩn đoán sớm bệnh nhồi máu cơ tim</p> <p>Thành phần: R1: Imidazole buffer, pH (≤ 6.1): ≤ 125 mmol/l Glucose: ≤ 25 mmol/l Magnesium acetate: ≤ 12.5 mmol/l EDTA: ≤ 2 mmol/l N-acetyl-L-cysteine: ≤ 25 mmol/l NADP: ≤ 2.4 mmol/l Hexokinase: > 6.8 U/ml Anti-CK antibodies (goat) blocking capacity up to: : ≤ 2000 U/l CK-MM R2: Imidazole buffer, (pH $\leq 8,9$): ≤ 125 mmol/l ADP: ≤ 15.2 mmol/l D-glukoso-6-phosphate-dehydrogenase: > 8.8 U/ml Creatine phosphate: ≤ 250 mmol/l AMP: ≤ 25 mmol/l Diadenosine pentaphosphate: ≤ 103 μmol/l Measuring range (phạm vi đo): $< 7.1 - > = 1200$ U/l</p>	R1: 10x20ml , R2: 10x5ml	ISO,CE	ML	200
12	Gamma GT	<p>Định lượng nồng độ GGT trong huyết thanh để chẩn đoán sự tắc nghẽn gan mật và được chú trọng trong tất cả các dạng của bệnh về gan</p> <p>Thành phần: Tris buffer (pH $\leq 8,25$): ≤ 125 mmol/l Glycyl Glycine: ≤ 125 mmol/l, L-γ-Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide: ≤ 20 mmol/l. Measuring range (phạm vi đo): $< 1.68 - > = 500$ U/l</p>	R1: 4x40ml , R2: 2x20ml	ISO,CE	ML	200
13	AST (GOT)	<p>Định lượng nồng độ AST/GOT trong huyết thanh huyết tương để chẩn đoán các bệnh về gan trong khám cận lâm sàng</p> <p>R1: Tris Buffer (pH 7.5): ≤ 110 mmol/l L-Aspartic acid: ≤ 340 mmol/l LDH: ≥ 4000 U/l MDH: ≥ 750 U/l R2: CAPSO: ≤ 20 mmol/l 2-oxoglutarat: ≤ 85 mmol /l NADH: ≤ 1.05 mmol/l Measuring range (phạm vi đo): $< 3.84m - > = 390$ U/l</p>	R1: 4x40ml , R2: 2x20ml	ISO,CE	ML	200

14	ALT (GPT)	Định lượng nồng độ ALT/GPT trong huyết thanh huyết tương để chẩn đoán các bệnh về gan trong khám cận lâm sàng R1: Tris Buffer (pH 7.5: = <137.5 mmol/l, L-Alanine: = <709 mmol/l, LDH (microbial): ≥ 2000 U/l. R2: CAPSO: = <20 mmol/l, 2-oxoglutarate: = <85 mmol/l, NADH: = <1.05 mmol/l, Measuring range (phạm vi đo): = < 4.4- > = 360 U/l	R1: 4x40ml , R2: 2x20ml	ISO,CE	ML	200
15	Chất thử điện giải đồ	Dung dịch chuẩn A, 800mL ,Dung dịch chuẩn B, 180mL ,Chất đệm Chất bảo quản, Chất làm ướt	800ml/ bình	ISO, FDA	ML	2.400
III. Hoá chất thông dụng						
16	Anti A	Lọ 10ml, Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-A	Hộp 1 lọ x 10ml;	ISO	ML	20
17	Anti B	Lọ 10ml, Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-B	Hộp 1 lọ x 10ml;	ISO	ML	20
18	Anti D	Lọ 10ml, Thuốc thử của xét nghiệm được sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy tế bào từ các dòng tế bào lai	Hộp 1 lọ x 10ml;	ISO	ML	10
19	Test NS1	Phát hiện kháng nguyên virus Dengue NS1 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần người. Độ nhạy: ≥ 92.4%, Độ đặc hiệu: ≥ 96.1%.	25 test/hộp	ISO, CE	Test	25
20	Test NS1 IgG/IGM	Phát hiện phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng các type virus Dengue 1,2,3 và 4. Không có phản ứng chéo với nhóm Flavivirus khác và những bệnh do muỗi truyền. Độ nhạy > = 94,3%, Độ đặc hiệu > = 96,5%	30 test/hộp	ISO, CE	Test	30
21	Test chất gây nghiện (5 chất)	Test nhanh xét nghiệm định tính, đồng thời: MOP300/AMP500/CO DEIN300/THC50/HEROIN10/ng/MI trong nước tiểu, Độ chính xác tương đồng với kit thương mại khác > = 99.9%	25 test/hộp	ISO, CE	Test	150
22	Test Troponin I(Card)	Phát hiện định tính Troponin I tim (cTnl) trong huyết tương, huyết thanh và máu toàn phần người. Độ nhạy: ≥ 96.9%. Độ đặc hiệu: ≥ 97.3%; giới hạn phát hiện 0.5 ng/ml;	25 test/hộp	ISO,CE	Test	75

23	Test nhanh HIV	<p>Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút.</p> <p>Không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm (chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương khi xét nghiệm mẫu phẩm là máu toàn phần. Xét nghiệm được cả với mẫu máu toàn phần lấy từ tĩnh mạch bảo quản trong nhiệt độ từ 2-8 độ C tới 07 ngày. Xét nghiệm được với lượng mẫu phẩm sử dụng xét nghiệm là = < 50uL mẫu.</p> <p>Độ nhạy: 100%</p> <p>Độ đặc hiệu: >= 99.75%</p> <p>Độ chính xác: >= 99.6%</p> <p>Hàm lượng chính: Antibody, anti HIV-1, Antibody, Anti HIV-2, Antigen (pGO9-CKS/XL-1) HIV-1 Group O, Antigen, (PjC100)HIV-2, Antigen, (pOM10/PV361) HIV-1, Antigen, (pTB319/XL-1) HIV-1, HIV-1 Peptide Antigen, HIV-2 peptide Antigen.</p> <p>Quy cách : Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu, túi nhôm</p> <p>Hạn sử dụng 24 tháng kể từ ngày sản xuất, bảo quản ở nhiệt độ thường từ 2-30 độ C</p>	100 test/hộp	ISO	Test	100
VI- Hóa chất xét nghiệm tương thích với máy nước tiểu URILYZER ® 100pro						
24	Que thử nước tiểu 11 thông số	Que thử dùng để thử 11 thông số trong nước tiểu: PH, Protein, Glucose, Ketone, Urobilinogen, Bilirubin, Blood, Specific Gravity, Ascorbic Acid, Leukocytes, Nitrite, (CP)	100que/hộp	ISO, CE	Que	300
III- vật tư tiêu hao						
25	Bóng đèn máy CA800	Bóng đèn sử dụng cho máy sinh hóa tự động CA 800	1 cái/hộp	ISO, CE	Cái	1
IV- Hoá chất ngoại kiểm						
26	Chương trình Ngoại kiểm ethanol	Chương trình ngoại kiểm Sinh hóa đáp ứng trên 50 thông số sinh hóa thường qui, bộ mỡ, hormones và kim loại vi lượng hoặc tương đương. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	Hộp/6 x 5 ml/	ISO	Hộp	1
27	Chương trình Ngoại kiểm Huyết Học	Chương trình ngoại kiểm Huyết học đáp ứng 11 thông số công thức máu hoặc tương đương. Chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	Hộp/3 x 2 ml/	ISO	Hộp	1
Tổng cộng: 27 KHOẢN						

2. Địa điểm giao hàng: Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Địa chỉ: Số 65, Cách Mạng Tháng Tám, khu phố III, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: tối đa 07 ngày, theo từng đợt, trong vòng 24 tháng.
4. Giá báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển ... bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.
5. Mẫu báo giá của các hãng sản xuất, nhà cung cấp theo **phụ lục I** đính kèm yêu cầu báo giá này.

Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên rất mong nhận được sự quan tâm và Bảng báo giá của quý công ty/đơn vị. /: *x*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- BGĐ, CNTT (đăng tải), KD, TCKT;
- Lưu Văn thư.

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM
Y TẾ
THÀNH PHỐ
HÀ TIÊN
Nguyễn Hiếu Nghĩa

TRUNG TÂM
Y TẾ
THÀNH PHỐ
HÀ TIÊN

PHỤ LỤC I BÁO GIÁ (1)

Kính gửi: TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ HÀ TIÊN.

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các vật tư y tế, hóa chất và trang thiết bị y tế thông thường dùng trong hoạt động thường xuyên như

1. Báo giá cho các vật tư y tế, hóa chất và trang thiết bị y tế thông thường cần mua sắm cấp bách :

STT	Tên vật tư y tế, hóa chất, trang thiết bị y tế thông thường (2)	Ký, mã, nhãn hiệu, hãng sản xuất (3)	Mã HS (4)	Năm sản xuất (5)	Xuất xứ (6)	Số lượng (7)	Đơn giá (VND) (8)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND) (9)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND) (10)	Thành tiền (NVD) (11)
1										
2										
3										
n									
Tổng cộng										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của các vật tư y tế, hóa chất và trang thiết bị y tế thông thường)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng.....ngày, kể từ ngày.....tháng.....năm.....[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày.... tháng.... năm....[ghi ngày....tháng ...năm kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

Giá trị của các vật tư y tế, hóa chất và trang thiết bị y tế thông thường nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp (12)
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại vật tư y tế, hóa chất và trang thiết bị y tế thông thường theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá..
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của vật tư y tế, hóa chất và trang thiết bị y tế thông thường tương ứng với chủng loại hóa chất xét nghiệm, vật tư y tế dùng trong xét nghiệm ghi tại cột "Danh mục vật tư y tế, hóa chất và trang thiết bị y tế thông thường".
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng vật tư y tế, hóa chất và trang thiết bị y tế thông thường.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của vật tư y tế, hóa chất và trang thiết bị y tế thông thường.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng theo đúng số lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng vật tư y tế, hóa chất và trang thiết bị y tế thông thường.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể các chi phí liên quan; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có).
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng vật tư y tế, hóa chất và trang thiết bị y tế thông thường. Giá trị tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng vật tư y tế, hóa chất và trang thiết bị y tế thông thường (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trong hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào bản gốc

